

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **279/2020/HSPT**

Ngày: 29 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: Bà Hà Thị Thanh Nữ

Ông Ngô Thanh Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 171/2020/HSPT ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Đức B; do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HSST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Họ và tên bị cáo:

Phạm Đức B, sinh năm 1969, tại Thái Bình; Đăng ký thường trú: Khu phố 3, phường T, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Tạm trú: Khu phố Z, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nghỉ mất sức; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đức S1, sinh năm: 1924 và bà Trần Thị V, sinh năm: 1926; Vợ: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1976, có 02 người con, sinh năm 1999 và 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 đến nay. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Âu Thị N, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các đương sự khác nhưng không có kháng cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Quyết định số 3882/QĐ-UBND ngày 04-12-2015, của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Trung tâm Giáo dục lao động xã hội tỉnh Đồng Nai được đổi tên thành Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, có địa chỉ tại ấp B1, xã X1, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai, cơ cấu tổ chức có: 01 giám đốc, 02 phó giám đốc và 06 phòng trực thuộc. Ngày 01-01-2016, ông Hồ Trí L được bổ nhiệm làm Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai. Ông L đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-ĐTNMT ngày 26-01-2016, thành lập Tổ quản trị đời sống thuộc phòng Tổ chức - Hành chính – Kế toán gồm: 09 thành viên, trong đó: Bà Đinh Thị S, kế toán đơn vị, được phân công làm Tổ trưởng; Phạm Đức B phụ trách tổ nuôi ăn; Bà Ngô Thị O phụ trách thủ kho, kiêm thủ quỹ; Bà Âu Thị N, kế toán; Ông Hà Xuân Th, phụ trách kế toán. Tổ Quản trị đời sống chịu trách nhiệm cung ứng hàng hóa phục vụ cho cán bộ, viên chức đang công tác và học viên cai nghiện tại Cơ sở. Đồng thời, Tổ quản trị đời sống chịu trách nhiệm về giá cả, chất lượng hàng hóa và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ trưởng Tổ quản trị đời sống chịu trách nhiệm theo dõi kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao giữa các thành viên trong tổ và trực tiếp hạch toán hoạt động thu chi đảm bảo đúng quy định về tài chính, chống hao hụt, mất mát về tài sản, về giá cả và chất lượng hàng hóa.

Lợi dụng sơ hở trong công tác điều hành, quản lý tài sản của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai. Một số cá nhân của Tổ quản trị đời sống đã có hành vi nâng khống số lượng và giá cả một số mặt hàng, lập hồ sơ để quyết toán nhằm chiếm đoạt tài sản. Ngày 22-6-2016, ông L đã ban hành Quyết định số 80/QĐ-CSĐTNMT, thành lập Tổ kiểm tra để tiến hành kiểm tra làm rõ sai phạm của Tổ quản trị đời sống. Tổ kiểm tra đã kết luận: Tổng số tiền nâng khống (bao gồm số lượng hàng hóa và giá cả) đã làm thủ tục quyết toán là: 96.082.910 (Chín mươi sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn chín trăm mười) đồng. Trong đó, đã làm thủ tục quyết toán, trình Giám đốc Cơ sở đã duyệt chi cho các chủ hàng số tiền là: 60.498,820 đồng, số còn lại chưa được duyệt chi. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản đối với những khoản chi từ 5.000.000đồng trở lên và thanh toán

bằng tiền mặt những khoản chi dưới 5.000.000đồng.

Các cá nhân bán hàng hóa cho Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, là những người đã bán hàng cho Cơ sở từ nhiều năm qua gồm: Ông Phạm Thế H, bà Trần Thị Tuyết M, bà Lê Thị Hồng N1, ông Trần Duy K, bà Trần Thanh K1, bà Mã Thị Hồng V1 và ông Dương Vũ Việt Phi L1.

* Hình thức mua bán: Vào đầu tháng Bên bán hàng hóa có báo giá những mặt hàng cần bán cho cán bộ được giao nhiệm vụ mua hàng. Nếu được Cơ sở điều trị nghiện chấp nhận, khi có nhu cầu mua loại gì, số lượng bao nhiêu, thì cán bộ mua hàng báo cho Bên bán hàng hóa sẽ đem giao cho quản lý bếp ăn nhận. Lúc nhận hàng hóa quản lý bếp ăn kiểm tra chất lượng, cân, đếm theo quy định. Đối với mặt hàng tươi sống như: Rau, củ, quả, thịt, cá thì căn cứ vào kế hoạch nuôi ăn và số lượng học viên ăn hàng ngày, cán bộ quản lý đời sống sẽ thông báo để Bên bán cung cấp theo nhu cầu; Đối với hàng khô như gạo, mì gói... nhập theo đợt. Khi tiếp nhận hàng hóa quản lý bếp ăn ghi vào sổ về số lượng đã giao, không ghi chủng loại và giá cả, không có ký xác nhận của Bên giao hàng hóa, còn Bên giao hàng hóa tự ghi vào sổ riêng, có trường hợp có ký xác nhận của cán bộ mua hàng hay cán bộ quản lý bếp ăn, có trường hợp không có ký xác nhận của quản lý bếp ăn. Cuối tháng bên bán hàng hóa tự kiểm tra số hàng hóa đã bán trong tháng, sau đó đối chiếu với cán bộ quản lý bếp ăn xem số lượng có khớp nhau chưa (việc làm này không lập biên bản và cũng không ký xác nhận tổng số hàng hóa giao nhận hai bên).

* Phương pháp thanh toán: Cuối tháng, cán bộ được giao nhiệm vụ mua hàng hóa không căn cứ vào sổ hàng hóa thực tế đã nhập và xuất kho để lập hồ sơ thanh toán mà căn cứ vào tổng ngày ăn của học viên trong tháng nhân với định mức tiền cấp cho mỗi học viên cai nghiện/ngày mà Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Sau đó, căn cứ vào kế hoạch nuôi ăn đã được phê duyệt để lập hồ sơ thanh toán. Từ phân bổ tiền ăn của tỉnh, cán bộ được giao mua hàng lập danh sách loại, số lượng hàng cần thanh toán rồi đưa danh sách cho Bên bán hàng. Bên bán hàng căn cứ vào danh sách đó, liên hệ với Chi cục thuế huyện X mua hóa đơn để thanh quyết toán. Bên bán hàng hóa sẽ mua một hay nhiều hóa đơn là tùy thuộc vào yêu cầu của cán bộ mua hàng hóa. Sau khi Bên bán hàng giao hóa đơn cho cán bộ mua hàng, đồng thời ký hợp đồng và thanh lý hợp đồng mua hàng, khoảng từ 10 đến 15 ngày kể từ ngày giao hóa đơn bán hàng thì Bên bán hàng nhận được số tiền thanh toán thông qua chuyển khoản đối với hóa đơn có số tiền từ 5.000.000đồng trở lên, còn đối với hóa đơn có số tiền dưới 5.000.000đồng thì Bên bán hàng nhận tiền mặt. Khi nhận được số tiền chuyển khoản Bên bán hàng biết được số tiền dư so với số hàng mà họ đã bán cho cơ sở, có cá nhân đã đưa cho cán bộ được giao mua hàng hóa, có cá nhân đang giữ. Sau khi Tổ kiểm tra của Cơ sở yêu cầu thì Bên bán hàng đã nộp lại cho

cơ sở. Về sổ sách chứng từ của Bên bán hàng, sau khi thanh toán xong tiền đã vớt bỏ sổ giao nhận hàng hóa, việc mua bán và quyết toán cụ thể:

1. Về phân gạo ông Phạm Thế H bán cho cơ sở:

- Tháng 01: Ông H bán $1.000\text{kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 10.500.000 \text{ đồng}$.

B đã lập hồ sơ thanh toán là: $846 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 8.883.000 \text{ đồng}$ và đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất $802 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 8.421.000 \text{ đồng}$. Ông H nhận thông qua chuyển khoản số 08, ngày 18-02-2016.

+ Hóa đơn thứ hai $44 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 462.000 \text{ đồng}$. B nhận theo phiếu chi tiền mặt 46/16 ngày 20-02-2016. Số tiền này là tiền gạo tháng 01 của Ông H tuy nhiên Ông H đã cho B.

- Tháng 02: Ông H bán gạo $(500 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg}) + (154 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg})$ là số gạo dư tháng 1 chuyển qua $= 6.867.000 \text{ đồng}$.

B lập hồ sơ thanh toán là: $745 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 7.822.500 \text{ đồng}$, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất $720 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 7.560.000 \text{ đồng}$. Ông H nhận thông qua chuyển khoản số 19, ngày 03-3-2016. Số tiền này Ông H đã nhận dư là 693.000 đồng, Ông H đang giữ.

+ Hóa đơn thứ hai $25 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 262.500 \text{ đồng}$. B nhận theo phiếu chi tiền mặt 84/16 ngày 29-02-2016. Đây là số tiền lập dư số lượng gạo, B đã sử dụng tiêu xài cho cá nhân.

Tổng số tiền gạo B lập hồ sơ thanh toán vượt so với thực tế trong tháng 02 là: 955.500 đồng.

- Tháng 3: Ông H bán $1.000 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 10.500.000 \text{ đồng}$.

Bà S đã lập hồ sơ thanh toán là: $809 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 8.494.500 \text{ đồng}$, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất $770 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 8.085.000 \text{ đồng}$. Ông H nhận thông qua chuyển khoản số 50, ngày 22-4-2016.

+ Hóa đơn thứ hai $39 \text{ kg} \times 10.500 \text{ đồng/kg} = 409.500 \text{ đồng}$. Bà S nhận theo phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016, số tiền này là của Ông H.

- Tháng 4: Ông H bán gạo là $1.800 \text{ kg} \times 11.000 \text{ đồng/kg} = 19.800.000 \text{ đồng}$.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là: $1.305 \text{ kg} \times 11.000 \text{ đồng/kg} = 14.355.000 \text{ đồng}$ đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất $1.250 \text{ kg} \times 11.000 \text{ đồng/kg} = 13.750.000 \text{ đồng}$. Ông H nhận thông qua chuyển khoản số 54, ngày 13-5-2016.

+ Hóa đơn thứ hai $55 \text{ kg} \times 11.000 \text{ đồng/kg} = 605.000 \text{ đồng}$. Bà S nhận theo phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016, số tiền này là của Ông H.

- Tháng 5: Ông H bán $4.500 \text{ kg} \times 11.000 \text{ đồng/kg} = 49.500.000 \text{ đồng}$.

Bà S lập hồ sơ thanh toán nhưng chưa được duyệt thanh toán nên chưa có căn cứ kết luận.

Như vậy, số tiền gạo thanh toán vượt so với thực tế tháng 02 là 955.500 đồng.

2. Về phần thịt heo bà Trần Thị Tuyết M bán cho cơ sở:

- Tháng 01: Bà M bán $301,5 \text{ kg}$ thịt heo và mỡ heo $\times 65.000 \text{ đồng/kg} = 19.597.500 \text{ đồng}$.

Ông B đã lập hồ sơ thanh toán thịt heo tháng 01 là: $316,5 \text{ kg} \times 65.000 \text{ đồng/kg} = 20.572.500 \text{ đồng}$, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất $301,5 \text{ kg} \times 65.000 \text{ đồng/kg} = 19.597.500 \text{ đồng}$. Bà M nhận thông qua chuyển khoản số 03, ngày 18-02-2016.

+ Hóa đơn thứ hai $15 \text{ kg} \times 65.000 \text{ đồng/kg} = 975.000 \text{ đồng}$. B nhận theo phiếu chi tiền mặt 46/16 ngày 20-02-2016.

Số tiền thịt heo thanh toán vượt so với thực tế là: 975.000 đồng, B sử dụng cho cá nhân.

- Tháng 02: Bà M bán (thịt heo $130,5 \text{ kg} \times 70.000 \text{ đồng/kg}$) + (xương heo $10 \text{ kg} \times 52.000 \text{ đồng/kg}$) = 9.655.000 đồng.

Ông B lập hồ sơ thanh toán ($178,7 \text{ kg}$ thịt heo $\times 70.000 \text{ đồng/kg}$) + (10 kg xương heo $\times 52.000 \text{ đồng/kg}$) = 13.029.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất ($170,7 \text{ kg}$ thịt heo $\times 70.000 \text{ đồng/kg}$) + (10 kg xương heo $\times 52.000 \text{ đồng/kg}$) = 12.469.000 đồng. Bà M nhận thông qua chuyển khoản số 22, ngày 07-3-2016. Số tiền Bà M nhận nhiều hơn so với số hàng đã giao cho cơ sở là: 2.814.000 đồng Bà M đã đưa cho B, B đã tiêu xài cá nhân.

+ Hóa đơn thứ hai 08 kg thịt heo $\times 70.000 \text{ đồng/kg} = 560.000 \text{ đồng}$. B nhận theo phiếu chi tiền mặt 84/16 ngày 29-02-2016, B đã tiêu xài cá nhân.

Số tiền thịt heo thanh toán vượt so với thực tế là: 3.374.000 đồng.

- Tháng 3: Bà M bán $249,5 \text{ kg}$ thịt heo $\times 70.000 \text{ đồng/kg} = 17.465.000 \text{ đồng}$.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là: $277 \text{ kg} \times 70.000 \text{ đồng/kg} = 19.390.000 \text{ đồng}$, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất $260 \text{ kg} \times 70.000 \text{ đồng/kg} = 18.200.000 \text{ đồng}$. Bà M nhận thông qua chuyển khoản số 48, ngày 22-4-2016. Số tiền Bà M nhận nhiều hơn so với số hàng đã giao cho cơ sở là: 735.000 đồng Bà M đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

+ Hóa đơn thứ hai $17 \text{ kg} \times 70.000 \text{ đồng/kg} = 1.190.000 \text{ đồng}$, Giám đốc duyệt chi số tiền là: 1.146.000 đồng, bà S nhận theo phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016.

Số tiền thịt heo bà S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế là: 1.881.000 đồng.

- Tháng 4: Bán cá biển $212 \text{ kg} \times 26.000 \text{ đồng/kg} = 5.512.000 \text{ đồng}$.

Bà S lập hồ sơ thanh toán $278 \text{ kg} \times 26.000 \text{ đồng/kg} = 7.228.000 \text{ đồng}$, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất cá biển là $240 \text{ kg} \times 26.000 \text{ đồng/kg} = 6.240.000 \text{ đồng}$ Ông K đã nhận được tiền này thông qua chuyển khoản số 53 ngày 13-5-2016, Ông K đã nhận số tiền nhiều hơn so với số cá mà Ông K đã giao cho cơ sở là $28 \text{ kg} \times 26.000 \text{ đồng/kg} = 728.000 \text{ đồng}$, số tiền trên Ông K đang giữ.

+ Hóa đơn thứ hai cá biển $38 \text{ kg} \times 26.000 \text{ đồng/kg} = 988.000 \text{ đồng}$, bà S đã nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016.

Số tiền cá bà S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế tháng 4-2016 là 1.716.000 đồng.

- Tháng 5: Bà M bán (thịt heo $1.008 \text{ kg} \times 76.000 \text{ đồng/kg}$) + (xương heo $223 \text{ kg} \times 60.000 \text{ đồng/kg}$) = 89.988.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là: $1.320 \text{ kg} \times 76.000 \text{ đồng/kg} = 96.320.000 \text{ đồng}$, Bà M nhận thông qua chuyển khoản số 74, ngày 21-6-2016. Số hàng hóa thanh toán nhiều hơn so với thực tế là: 6.332.000 đồng, Bà M đã nộp cho cơ sở cai nghiện.

3. Về phần cá và trấu bà Lê Thị Hồng N1 bán cho cơ sở:

- Tháng 01: Bà N1 bán (cá biển $108 \text{ kg} \times 29.000 \text{ đồng/kg}$) + (trấu $448 \text{ bao} \times 22.000 \text{ đồng/bao}$) = 12.988.000 đồng.

B lập hồ sơ thanh toán là: 16.242.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất là: 15.476.000 đồng bà N1 đã nhận được tiền này thông

qua chuyển khoản số 07, ngày 18-02-2016, bà N1 đã nhận số tiền dư so với số cá mà bà N1 đã giao cho cơ sở là 2.488.000 đồng, số tiền này bà N1 đã đưa cho B.

+ Hóa đơn thứ hai là 766.000 đồng, B đã nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 46/16 ngày 20-02-2016, B đã tiêu xài cá nhân.

Số tiền cá ông B lập hồ sơ thanh toán vượt so với thực tế tháng 01 là 3.254.000 đồng.

- Tháng 02: Bà N1 bán trấu 236 bao x 22.000 đồng/bao = 5.192.000 đồng.

B lập hồ sơ thanh toán là: 8.732.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất là: 8.498.000 đồng bà N1 đã nhận được tiền này thông qua chuyển khoản số 23, ngày 03-3-2016, bà N1 đã nhận số tiền nhiều hơn so với số hàng mà bà N1 đã giao là 3.306.000 đồng, số tiền này bà N1 đã đưa cho B.

+ Hóa đơn thứ hai là 234.000 đồng, B đã nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 84/16 ngày 29-02-2016, B đã tiêu xài cá nhân.

Số tiền cá B lập hồ sơ thanh toán vượt so với thực tế tháng 02 là 3.540.000 đồng.

- Tháng 03: Bà N1 bán trấu 240 bao x 25.000 đồng/bao = 6.000.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là: (cá đồng 23 kg x 20.000 đồng/kg) + (trấu 321 bao x 25.000 đồng/bao) = 8.485.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 7.650.000 đồng, bà N1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 47, ngày 22-4-2016, bà N1 đã nhận số tiền dư so với thực tế là: 1.650.000 đồng. Bà N1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là: 835.000 đồng, bà S nhận từ phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016.

Số tiền cá bà S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế tháng 3 là 2.485.000 đồng.

- Tháng 04: Bà N1 bán (cá biển 81 kg x 26.000 đồng/kg) + (trấu 428 bao x 25.000 đồng/bao) = 12.806.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán: (cá 117 kg x 20.000 đồng/kg) + (trấu 483 bao x 25.000 đồng/bao) = 14.415.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 13.790.000 đồng, bà N1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 52, ngày 13-5-2016, là nhiều hơn so với thực

tế 984.000 đồng, số tiền này bà N1 đã nộp cho cơ sở.

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là: 625.000 đồng, bà S nhận từ phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016.

Số tiền cá bà S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế ở tháng 4 là 1.609.000 đồng.

- Tháng 5: Bà N1 bán (cá biển 115 kg x 26.000 đồng/kg) + (trấu 100 bao x 25.000 đồng/bao) = 5.490.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán (cá biển 271,85 kg x 26.000 đồng/kg) + (trấu 150 bao x 25.000 đồng/bao) = 10.818.000 đồng, bà N1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 72, ngày 21-5-2016, nhiều hơn so với thực tế là 5.328.000 đồng, bà N1 đã nộp cho Cơ sở điều trị nghiện.

4. Về phần cá ông Trần Duy K bán cho cơ sở:

- Tháng 01: Ông K bán cá biển 108 kg x 25.000 đồng/kg = 2.700.000 đồng.

B lập hồ sơ thanh toán cá biển 118 kg x 25.000 đồng/kg = 2.950.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất cá biển là 112 kg x 25.000 đồng/kg = 2.800.000 đồng Ông K đã nhận được tiền này thông qua chuyển khoản số 04, ngày 18-02-2016, Ông K đã nhận số tiền nhiều hơn trị giá hàng ông đã giao cho cơ sở là: 100.000 đồng, số tiền trên Ông K đã nộp cho Cơ quan điều tra.

+ Hóa đơn thứ hai cá biển 6 kg x 25.000 đồng/kg = 150.000 đồng, B đã nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 46/16 ngày 20-02-2016, B tiêu xài cá nhân.

Số tiền cá B lập hồ sơ thanh toán vượt so với thực tế là 10 kg x 25.000 đồng/kg = 250.000 đồng.

- Tháng 4: Bán cá biển 212 kg x 26.000 đồng/kg = 5.512.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán 278 kg x 26.000 đồng/kg = 7.228.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thứ nhất cá biển là 240 kg x 26.000 đồng/kg = 6.240.000 đồng Ông K đã nhận được tiền này thông qua chuyển khoản số 53 ngày 13-5-2016, Ông K đã nhận số tiền nhiều hơn so với số cá mà Ông K đã giao cho cơ sở là 28kg x 26.000 đồng/kg = 728.000 đồng, số tiền trên Ông K đang giữ.

+ Hóa đơn thứ hai cá biển 38 kg x 26.000 đồng/kg = 988.000 đồng, bà S đã nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016.

Số tiền cá bà S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế tháng 4-2016 là 1.716.000 đồng.

5. Về phần rau, củ, quả bà Trần Thanh K1 bán cho cơ sở:

- Tháng 01: Bà K1 bán các loại hàng hóa trị giá là 10.504.000 đồng.

B lập hồ sơ thanh toán là 11.041.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 10.496.000 đồng, Bà K1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 09, ngày 18-02-2016.

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 545.000 đồng, B nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 46/16 ngày 20-02-2016, trong số tiền này của Bà K1 là 8.000 đồng, còn 537.000 đồng là số tiền lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế, B đã tiêu xài cá nhân.

- Tháng 02: Bà K1 bán các loại hàng hóa trị giá là 12.270.200 đồng.

B lập hồ sơ thanh toán là 10.122.600 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 9.780.600 đồng, Bà K1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 21, ngày 03-3-2016;

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 342.000 đồng, B nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 84/16 ngày 29-02-2016. (số tiền này là của Bà K1);

+ Hóa đơn thanh toán số hàng hóa phục vụ học viên ăn Tết nguyên đán là 2.147.600 đồng Bà K1 đã nhận.

Tổng số tiền rau, củ, quả B lập hồ sơ lập hồ sơ thanh toán là 12.270.200 đồng.

- Tháng 3: Bà K1 bán các loại hàng hóa trị giá là 15.483.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là 16.250.000 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 15.722.200 đồng, Bà K1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 46, ngày 22-4-2016, Bà K1 nhận tiền nhiều hơn so với trị giá số hàng thực tế giao 239.200 đồng.

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 527.800 đồng, bà S nhận từ phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016.

Số tiền bà S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế là 767.000 đồng.

- Tháng 4: Bà K1 bán các loại hàng hóa trị giá là 38.793.200 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là 44.407.200 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 42.150.000 đồng, Bà K1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 57, ngày 17-5-2016, Bà K1 nhận tiền nhiều hơn so với trị giá số hàng giao thực tế là 3.356.800 đồng, Bà K1 đã nộp cho Cơ sở cai nghiện;

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 2.257.200 đồng, bà S nhận từ phiếu chi tiền mặt 287/16;

S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế là 5.614.000 đồng.

- Tháng 5: Bà K1 bán các loại hàng hóa là 142.654.900 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là 51.929.000 đồng, Bà K1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 67, ngày 06-6-2016. Số hàng hóa chưa thanh toán là 90.725.900 đồng

6. Về phần đồ khô bà Mã Thị Hồng V1 bán cho cơ sở:

- Tháng 01: Bà V1 bán các loại hàng hóa trị giá là 17.862.700 đồng.

B lập hồ sơ thanh toán là 18.161.500 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 16.969.500 đồng, Bà V1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 10, ngày 18-02-2016;

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 1.192.000 đồng, B nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 46/16 ngày 20-02-2016. Số tiền 893.200 đồng là của Bà V1, số tiền còn lại 298.800 đồng là tiền thanh toán dư so với thực tế, B đã tiêu xài cá nhân.

Số hàng hóa B lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế là 298.800 đồng.

- Tháng 02: Bà V1 bán các loại hàng hóa trị giá là 17.798.400 đồng.

B lập hồ sơ thanh toán là 15.171.800 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 14.672.400 đồng, Bà V1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 20, ngày 03-3-2016;

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 499.400 đồng, B nhận số tiền này từ phiếu chi tiền mặt 84/16 ngày 29-02-2016 số tiền này là của Bà V1;

+ Hóa đơn thanh toán cho học viên ăn tết 32 kg thịt gà x 53.000 đồng/kg = 1.696.000 đồng Bà V1 đã nhận được thông qua chuyển khoản;

Số hàng hóa B lập hồ sơ thanh toán còn thiếu so với thực tế là 930.600 đồng.

- Tháng 03: Bà V1 bán các loại hàng hóa trị giá là 16.613.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là 16.779.500 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh

toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 15.737.800 đồng, Bà V1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 44, ngày 22-4-2016;

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 1.041.700 đồng, bà S nhận từ phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016 (Trong đó: số tiền 875.200 đồng là của Bà V1, số tiền 166.500 đồng thanh toán nhiều hơn so với thực tế).

Bà S lập hồ sơ thanh toán nhiều hơn so với thực tế là 166.500 đồng.

- Tháng 4: Bà V1 bán các loại hàng hóa trị giá là 21.433.900 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là 25.093.800 đồng, đã được Giám đốc duyệt thanh toán thể hiện bằng các chứng từ sau:

+ Hóa đơn thanh toán thứ nhất là 24.049.000 đồng, Bà V1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản thanh toán số 56, ngày 17-5-2016, Bà V1 nhận số tiền nhiều hơn so với trị giá hàng hóa giao thực tế là 2.615.100 đồng, Bà V1 đã nộp cho cơ sở;

+ Hóa đơn thanh toán thứ hai là 1.044.800 đồng, bà S nhận từ phiếu chi tiền mặt 287/16 ngày 31-5-2016;

Số tiền bà S lập hồ sơ thanh toán hàng hóa nhiều hơn so với trị giá hàng hóa trên thực tế là 3.659.900 đồng.

- Tháng 5: Bà V1 bán các loại hàng hóa trị giá là 63.679.250 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán là 67.028.500 đồng, Bà V1 đã nhận được số tiền này thông qua chuyển khoản số 71, ngày 21-6-2016, số tiền Bà V1 nhận nhiều hơn so với trị giá hàng hóa giao thực tế là 3.349.250 đồng, Bà V1 đã nộp cho Cơ sở.

7. Về phần trâu ông Dương Vũ Việt Phi L1 bán cho cơ sở:

- Tháng 05: Ông L1 bán 9.954 kg x 1.000 đồng/kg = 9.954.000 đồng.

Bà S lập hồ sơ thanh toán 10.027 kg x 1.000 đồng/kg = 10.027.000 đồng, Ông L1 đã nhận được số tiền này bằng chuyển khoản số 73, ngày 21-6-2016, số tiền Ông L1 đã nhận nhiều hơn so với thực tế là 73.000 đồng, Ông L1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

* Tại bản Kết luận giám định tài chính số 6663/STC-KLGD ngày 27-11-2017, của Sở tài chính Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kết luận:

1. Ông Phạm Đức B - Phụ trách mua hàng hóa cho Cơ sở cai nghiện từ tháng 01-2016 đến tháng 02-2016: Đã gây thiệt hại và chiếm đoạt, tham ô của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, với số tiền là 12.381.800 đồng.

2. Bà Đinh Thị S - Tổ trưởng tổ đời sống: Đã gây thiệt hại số tiền là

32.926.650 đồng và chiếm đoạt, tham ô của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, với số tiền là 9.685.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà Đinh Thị S nhận được số tiền chênh lệch hàng hóa bằng tiền mặt (ngày 20-6-2016), số tiền 10.600.000 đồng, lại sát với ngày tổ kiểm tra của Cơ sở cai nghiện làm việc (ngày 22-6-2016). Việc thành lập tổ kiểm tra, là do qua công tác điều hành, quản lý ông Hà Xuân Th - Phụ trách kế toán, đã phát hiện có sự thanh toán chênh lệch về hàng hóa của Tổ đời sống, nên đã báo cáo Giám đốc. Do đó, ngày 22-6-2016, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy đã thành lập Tổ kiểm tra để kiểm tra nội dung trên. Tại thời điểm này, bà Đinh Thị S đã được thông tin về nội dung kiểm tra. Bản thân bà S cũng biết số tiền mặt, mình vừa nhận được là không thanh toán cho ai. Cho nên, bà S đã chi bồi dưỡng cho các ông, bà ở bộ phận kế toán như sau: Ông Hà Xuân Th - Phụ trách kế toán, số tiền 2.300.000 đồng; Trả cho bà Ngô Thị O - Thủ quỹ, tiền thịt heo do Cơ sở mua là 915.000 đồng; Chi bồi dưỡng cho bà O, số tiền 1.300.000 đồng và gửi bà O giữ gìn mang tính cá nhân không phải nộp trả lại quỹ 3.000.000 đồng; Chi bồi dưỡng cho bà Âu Thị N - Kế toán 1.300.000 đồng. Còn lại số tiền 1.785.000 đồng, bà Đinh Thị S giữ sử dụng cá nhân. Đúng ra bà Đinh Thị S, khi nhận số tiền mặt trên phải báo cáo kịp thời cho Lãnh đạo Cơ sở cai nghiện biết về tình hình thanh toán có sự chênh lệch nêu trên, để Lãnh đạo Cơ sở cai nghiện có biện pháp xử lý kịp thời. Đồng thời, báo cáo cho bộ phận kế toán và sẽ không nhận số tiền này.

3. Ông Hà Xuân Th - Phụ trách kế toán: Chưa làm tròn hết nhiệm vụ của mình, cụ thể: Phải kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán. Từ nhiệm vụ trên, hàng tháng phải trực tiếp kiểm tra và hướng dẫn bộ phận kế toán, thủ kho rà soát đối chiếu với nhau về xuất, nhập, tồn hàng hóa. Theo dõi về giá trị tiền hàng và số lượng hàng hóa thực tế nhập... Chắc chắn sẽ phát hiện ra sự chênh lệch giữa lượng hàng nhập thực tế với lượng hàng ghi trên hóa đơn tài chính. Như vậy, việc thanh toán tiền hàng cho nhà bán sẽ không thể xảy ra các sai phạm. Tuy nhiên, ông Hà Xuân Th - Phụ trách kế toán (Từ ngày 01-02-2013 đến nay). Qua 03 năm, với cương vị là phụ trách kế toán chưa có trường hợp vi phạm nào xảy ra. Vụ việc sai phạm tại Cơ sở cai nghiện xảy ra từ tháng 01-2016 đến tháng 5-2016 thì trong tháng 5-2016 đã được ông Hà Xuân Th phát hiện và báo cáo Giám đốc tình hình trên. Vì vậy, căn cứ vào điểm d, khoản 03, Điều 54 (Về quyền và trách nhiệm của Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán)) của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17-6-2003 của Quốc hội, có quy định: Báo cáo bằng văn bản cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong đơn vị. Trường hợp vẫn phải chấp hành quyết định thì báo cáo lên

cấp trên trực tiếp của người đã ra quyết định hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành quyết định đó. Từ căn cứ trên, Giám định viên tài chính kết luận: Ông Hà Xuân Th - Phụ trách kế toán tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai: Không phải chịu trách nhiệm về các vi phạm tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Hồ Trí L - Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai: Được bổ nhiệm giám đốc từ ngày 01-01-2016. Căn cứ vào khoản 05, Điều 54 (Về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng do mình quản lý, phụ trách) của Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 ngày 29-11-2005 của Quốc hội, có quy định: Trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được loại trừ trong trường hợp họ không thể biết được hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng. Từ căn cứ trên, Giám định viên tài chính kết luận: Ông Hồ Trí L - Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai: Không phải chịu trách nhiệm về các vi phạm tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

* Vật chứng vụ án thu giữ:

+ 4.558.000 đồng là tiền các người giao nộp gồm: Bà M 735.000 đồng; Ông L1 73.000 đồng; Ông K 100.000 đồng; Bà N 3.650.000 đồng.

+ Phạm Đức B giao nộp 12.391.300 đồng;

+ Bà O giao nộp 01 cuốn sổ ghi hàng hóa.

+ Tài liệu ghi hàng hóa của Bà M giao nộp (phô tô có chữ ký của Bà M).

+ Bà Đỗ Thị D giao nộp 07 cuốn sổ ghi theo dõi các chủ bán hàng cho Cơ sở.

+ Tài liệu, chứng từ thanh toán kinh phí phục vụ cho học viên.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKSXL ngày 17-12-2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai truy tố Phạm Đức B về tội: “Tham ô tài sản” theo điểm c, khoản 2, Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HSST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 353; điểm b, s khoản 1, Điều 51, khoản 2, Điều 51; Điều 54; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức B phạm tội: “Tham ô tài sản”

Xử phạt: Phạm Đức B – 02 năm (Hai năm) tù, thời hạn tù tính từ ngày 25-12-2019.

Bên cạnh đó, bản án sơ thẩm còn kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh

Đồng Nai và Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai, điều tra, truy tố bà Đinh Thị S, bà Âu Thị N và bà Ngô Thị O theo tội danh tương ứng với hành vi đã thực hiện.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/03/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt bản án cho bà Âu Thị N. Ngày 10/4/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nội dung kiến nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xét thấy cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Đức B là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong vụ án này còn có những người liên quan bà Đinh Thị S, bà Âu Thị N, bà Ngô Thị O và những người khác có dấu hiệu của hành vi đồng phạm trong vụ án, nhưng cấp sơ thẩm không điều tra, làm rõ là vi phạm tố tụng, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Đức B về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Tuy nhiên, trong vụ án này còn có những người khác có hành vi như sau:

Đối với bà Đinh Thị S - Tổ trưởng tổ đời sống đã có hành vi gây thiệt hại số tiền là 32.926.650 đồng và chiếm đoạt, tham ô của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, với số tiền là 9.685.000 đồng. Sau khi phát hiện sự việc, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy đã thành lập Tổ kiểm tra để kiểm tra vụ việc trên. Tại thời điểm này, bà Đinh Thị S đã nhận được số tiền 10.600.000 đồng là tiền chênh lệch, lý ra bà S phải báo cáo kịp thời cho Lãnh đạo Cơ sở cai nghiện biết về tình hình thanh toán có sự chênh lệch nêu trên, để Lãnh đạo Cơ sở cai nghiện có biện pháp xử lý kịp thời, nhưng bà S đã dùng số tiền này chi bồi dưỡng cho các ông, bà ở bộ phận kế toán như sau: Ông Hà Xuân Th - Phụ trách kế toán, số tiền 2.300.000 đồng; Trả cho bà Ngô Thị O - Thủ quỹ, tiền thịt heo do Cơ sở mua là 915.000 đồng; Chi bồi dưỡng cho bà O số tiền 1.300.000 đồng và gửi bà O giữ gìn mang tính cá nhân không phải nộp trả lại quỹ 3.000.000 đồng; Chi bồi dưỡng cho bà Âu Thị N - Kế toán 1.300.000 đồng. Còn lại số tiền 1.785.000 đồng, bà Đinh Thị S giữ

sử dụng cá nhân. Bà S tự lập không chứng từ (bằng cách nâng giá, kê số lượng cao hơn thực tế), để quyết toán số tiền cao hơn thực tế, nhằm chiếm đoạt 32.926.650 đồng và đã chiếm đoạt tất cả các hóa đơn nhận tiền mặt là 9.685.000 đồng. Hành vi của bà Đinh Thị S có dấu hiệu cấu thành tội “Tham ô tài sản”.

Đối với bà Âu Thị N là người tham mưu viết phiếu chi tiền trình kế toán trưởng và Giám đốc duyệt chi cho bà S nhận 9.685.000 đồng. Việc làm này của bà N là không đúng quy định. Khi được bà S đưa cho 1.300.000 đồng, bà S không nói là tiền gì nhưng bà Âu Thị N vẫn nhận. Hành vi của bà Âu Thị N đã có dấu hiệu đồng phạm với bà S về tội “Tham ô tài sản”.

Đối với bà Ngô Thị O đã có hành vi cùng với bà S cấu kết thực hiện hành vi, kê khống hóa đơn quyết toán số tiền cao hơn lượng hàng hóa thực nhận có dấu hiệu đồng phạm tội “Tham ô tài sản”.

Nhận thấy hành vi của những người này có dấu hiệu đồng phạm về tội “Tham ô tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng các cơ quan chức năng không truy tố đối với bà Đinh Thị S, bà Âu Thị N và bà Ngô Thị O theo tội danh tương ứng với hành vi đã thực hiện. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Nai và Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai, điều tra, truy tố bà Đinh Thị S, bà Âu Thị N và bà Ngô Thị O theo tội danh tương ứng với hành vi đã thực hiện. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không điều tra, làm rõ hành vi của bà Đinh Thị S, bà Âu Thị N, bà Ngô Thị O và những người liên quan trong vụ án để có cơ sở xem xét xử đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm. Những sai sót trên không thể bổ sung tại phiên tòa, do đó cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại.

Đối với bản án sơ thẩm, khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm cần kiến nghị Tòa án cấp trên để xử lý đối với những người có liên quan trong vụ án, việc Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp trên là không đúng quy định tố tụng, cần rút kinh nghiệm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị N có đơn kháng cáo nhưng do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị hủy án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều c, Khoản 1, Điều 355, Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2020/HSST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

3. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Đức B cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc thụ lý lại vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Xuân Lộc (2);
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Công an huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Người tham gia tố tụng khác;
- Trại tạm giam (2);
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Tùng